

Chính tả

1. Điền vào ô trống các từ ngữ chứa tiếng ghi ở mỗi cột dọc trong các bảng sau :

a) **M** : *bát sù / xù sớ*

sổ
xổ

sớ
xớ

su
xu

sú
xú

b) **M** : *bát cơm / chú bác*

bát
bác

mất
mắc

tất
tắc

mút
múc

2. a) Nghĩa của các tiếng ở mỗi dòng dưới đây có điểm gì giống nhau ?

- sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sên, sam, sò, súa, sán
.....
- sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, sồi
.....

Nếu thay âm đầu **s** bằng âm đầu **x**, trong số các tiếng trên, những tiếng nào có nghĩa ?

Các tiếng	Viết lại những tiếng có nghĩa nếu thay s bằng x
sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sên, sam, sò, súa, sán	M : xóc (đòn xóc, xóc đồng xu),
sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, sồi	M : xá (xả thân),

b) Điền các từ láy theo những khuôn vần ghi ở từng ô trong bảng sau :

1	an - at :	ang - ac :
2	ôn - ôt :	ông - ôc :
3	un - ut :	ung - uc :

M : (1) man mát / Khang khác

Luyện từ và câu

MỞ RỘNG VỐN TỪ : *BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG*

1. Đọc đoạn văn trong sách *Tiếng Việt 5, tập một*, trang 115 và thực hiện yêu cầu ở dưới :

a) Phân biệt nghĩa các cụm từ :

Khu dân cư :

.....

Khu sản xuất :

.....

Khu bảo tồn thiên nhiên :

.....

.....

b) Nối mỗi từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B :

A

B

sinh vật
sinh thái
hình thái

quan hệ giữa sinh vật (kể cả người) với môi trường xung quanh
tên gọi chung các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết
hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được

2. Ghép tiếng **bảo** (có nghĩa "giữ, chịu trách nhiệm") với mỗi tiếng sau : **đảm, hiểm, quản, tàng, toàn, tổn, trợ, vệ** để tạo thành từ phức và giải thích nghĩa của mỗi từ đó :

Từ phức	Nghĩa của từ phức
1) M : <i>bảo đảm</i>
2)
3)
4)
5)
6)
7)
8)

3. Thay từ **bảo vệ** trong câu sau bằng một từ đồng nghĩa với nó :

Chúng em *bảo vệ* môi trường sạch đẹp.

Chúng em môi trường sạch đẹp.

Tập làm văn

CẤU TẠO CỦA BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

I - Nhận xét

Đọc bài văn **Hạng A Cháng** (sách *Tiếng Việt 5, tập một*, trang 119 - 120), thực hiện các yêu cầu sau :

- Xác định phần mở bài của bài văn. Tác giả giới thiệu Hạng A Cháng bằng cách nào ?

Từ đầu đến

- Ngoại hình của A Cháng có những điểm gì nổi bật ?

- Đoạn văn tả hoạt động của A Cháng cho thấy A Cháng là người thế nào ?

- Tìm phần kết bài và nêu ý chính của nó.

II - Luyện tập

Lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình em (chú ý những nét nổi bật về ngoại hình, tính tình và hoạt động của người đó).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

LUYỆN TẬP VỀ QUAN HỆ TỪ

1. Đọc đoạn trích sau. Gạch hai gạch (==) dưới quan hệ từ có trong đoạn trích. Gạch một gạch (—) dưới những từ ngữ được nối với nhau bằng quan hệ từ đó :

A Cháng đeo cày. Cái cày của người Hmông to nặng, bắp cày bằng gỗ tốt màu đen, vòng như hình cái cung, ôm lấy bộ ngực nở. Trông anh hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận.

2. Các từ in đậm được dùng trong mỗi câu dưới đây biểu thị quan hệ gì ?

a) Quân sĩ cùng nhân dân trong vùng tìm đủ mọi cách cứu voi khỏi bãi lầy nhưng vô hiệu.	Từ in đậm biểu thị quan hệ
--	---

<p>b) Thuyền chúng tôi tiếp tục chèo, đi tới ba nghìn thước rồi mà vẫn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gié sát ra sông.</p> <p>c) Nếu hoa có ở trời cao Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm.</p>	<p>Từ in đậm biểu thị quan hệ</p> <p>Cặp từ in đậm biểu thị quan hệ</p>
--	---

3. Điền quan hệ từ (**và, nhưng, trên, thì, ở, của**) thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây.

- a) Trời bây giờ trong vắt, thăm thăm cao.
- b) Một vầng trăng tròn, to đỏ hồng hiện lên chân trời, sau rừng tre đen một ngôi làng xa.
- c) Trăng quầng hạn, trăng tán mưa.
- d) Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân ở nhiều chỗ đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng thương yêu tôi hết mực, sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cộc cần này.

4. Đặt câu với mỗi quan hệ từ sau :

mà	<p>.....</p> <p>.....</p>
thì	<p>.....</p> <p>.....</p>
bằng	<p>.....</p> <p>.....</p>

Tập làm văn

LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI

(Quan sát và chọn lọc chi tiết)

1. Đọc bài văn **Bà tôi** (sách *Tiếng Việt 5, tập một*, trang 122 - 123). Ghi lại những đặc điểm ngoại hình của người bà :

Mái tóc

.....
.....
.....

Đôi mắt

.....
.....
.....

Khuôn mặt

.....
.....
.....

Giọng nói

.....
.....

2. Đọc bài văn **Người thợ rèn** (sách *Tiếng Việt 5, tập một*, trang 123). Ghi lại vắn tắt những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc (từ lúc bắt lấy thổi thép, lúc quai búa,... cho đến khi thổi thép biến thành một lưỡi rựa vạm vỡ và duyên dáng) :

.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....